

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân viên chức Công an theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thi hành khoản 2 Điều 9 Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (sau đây gọi tắt là Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg);

Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần, chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân viên chức Công an trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào (sau đây gọi chung là trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và

làm nhiệm vụ quốc tế) sau ngày 30/4/1975 thuộc địa bàn và thời gian quy định tại Điều 3 Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân được tuyển vào Công an sau ngày 30/4/1975 trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có dưới 20 năm công tác trong Công an, hiện không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động, chế độ bệnh binh hàng tháng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc trước ngày 01 tháng 4 năm 2000.

- Thương binh đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/4/2000; thương binh nặng đang điều dưỡng tại các đoàn điều dưỡng thương binh do ngành Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý hoặc đã về gia đình.

- Chuyển ngành hoặc chuyển sang công nhân viên chức Công an rồi thôi việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995; đã có quyết định chuyển ngành trước ngày 01 tháng 4 năm 2000 nhưng không thực hiện được hoặc đã về địa phương mà chưa giải quyết chế độ.

- Xuất ngũ đi lao động hợp tác quốc tế hoặc được cử đi lao động hợp tác quốc tế về nước rồi xuất ngũ trước ngày 01 tháng 4 năm 2000.

b) Công nhân viên chức Công an trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, đã thôi việc trước ngày 01/01/1995, hiện không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hàng tháng.

3. Đối tượng không áp dụng

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg.

Điều 2. Cách tính thời gian được hưởng chế độ

1. Thời gian tính hưởng chế độ đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư này là thời gian công tác thực tế trong lực lượng Công an nhân dân (kể cả thời gian công tác trong quân đội, cơ yếu) cộng với thời gian trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc các nhóm đối tượng quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 2 Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg (nếu có). Thời gian tính hưởng chế độ nếu có gián đoạn thì được cộng dồn.

Đối với các trường hợp chuyển ngành sau đó thôi việc hoặc đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc về địa phương một thời gian rồi mới tiếp tục làm việc ở cơ quan, đơn vị, tổ chức ngoài Công an nhân dân hoặc đi lao động hợp tác quốc tế,

sau đó lại xuất ngũ, thôi việc hoặc thương binh nặng đang điều dưỡng tại các đoàn điều dưỡng thương binh thuộc ngành Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý thì thời gian công tác ngoài Công an (không trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế), thời gian lao động hợp tác quốc tế, thời gian điều dưỡng tại các đoàn điều dưỡng thương binh thuộc ngành Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý không được tính là thời gian hưởng chế độ.

2. Thời gian tính hưởng chế độ đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư này là thời gian trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế. Trường hợp đối tượng có thời gian trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc các nhóm đối tượng quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 2 Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg hoặc có gián đoạn thì được cộng dồn.

3. Thời gian hưởng chế độ trợ cấp một lần nếu có tháng lẻ từ đủ 6 tháng đến dưới 12 tháng được tính tròn một năm, dưới 6 tháng được tính bằng nửa (1/2) năm. Thời gian hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng tính tròn năm (đủ 12 tháng).

Điều 3. Chế độ trợ cấp

1. Chế độ trợ cấp hàng tháng

a) Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư này có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác được tính hưởng chế độ theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư này (bao gồm cả trường hợp đã xuất ngũ, thôi việc sau ngày 15 tháng 12 năm 1993 hiện đang công tác ở xã có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc mà khi thôi công tác ở xã không đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí theo quy định hoặc khi thôi công tác ở xã thuộc diện được cộng nối thời gian công tác trong Công an với thời gian công tác ở xã nhưng không đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí mà thời gian công tác trong Công an không được tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần) được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng tính theo số năm công tác được tính hưởng chế độ; mức hưởng cụ thể như sau:

- Từ đủ 15 năm đến dưới 16 năm, mức trợ cấp bằng 925.000 đồng/tháng.
- Từ đủ 16 năm đến dưới 17 năm, mức trợ cấp bằng 971.250 đồng/tháng.
- Từ đủ 17 năm đến dưới 18 năm, mức trợ cấp bằng 1.017.500 đồng/tháng.
- Từ đủ 18 năm đến dưới 19 năm, mức trợ cấp bằng 1.063.750 đồng/tháng.

- Từ đủ 19 năm đến dưới 20 năm, mức trợ cấp bằng 1.110.000 đồng/tháng.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, vào Công an nhân dân tháng 5 năm 1975, năm 1978 tham gia chiến đấu ở biên giới Tây Nam, tháng 9 năm 1992 xuất ngũ, thôi việc về địa phương.

Cách tính hưởng chế độ đối với ông Nguyễn Văn A như sau:

Thời gian công tác thực tế trong Công an nhân dân của ông Nguyễn Văn A từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 9 năm 1992 là 17 năm 5 tháng. Mức hưởng trợ cấp hàng tháng của ông Nguyễn Văn A là 1.017.500 đồng/tháng.

Ví dụ 2: Ông Trần Văn B, vào Công an nhân dân tháng 10 năm 1975, tháng 01 năm 1979 được cử đi làm nhiệm vụ ở Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, tháng 10 năm 1991 chuyển ngành công tác tại Tòa án nhân dân huyện P, năm 1993 nghỉ theo chế độ thôi việc.

Cách tính hưởng chế độ đối với ông Trần Văn B như sau:

Thời gian công tác thực tế trong Công an của ông B từ tháng 10 năm 1975 đến tháng 10 năm 1991 là 16 năm 01 tháng (thời gian chuyển ngành sang công tác tại Tòa án nhân dân huyện P không được tính hưởng chế độ). Mức hưởng trợ cấp hàng tháng của ông B là 971.250 đồng/tháng.

Ví dụ 3: Ông Đỗ Văn C, vào Công an nhân dân tháng 5 năm 1975 và tham gia chiến đấu ở biên giới Tây Nam, do hoàn cảnh gia đình tháng 01 năm 1978 xuất ngũ; tháng 01 năm 1979 tham gia công tác ở xã biên giới phía bắc và trực tiếp tham gia chiến đấu từ tháng 02/1979 đến tháng 01/1981, tháng 02 năm 1982 được tuyển dụng lại vào Công an, tháng 01/1993 thôi việc.

Cách tính hưởng chế độ đối với ông Đỗ Văn C như sau:

Thời gian công tác thực tế trong Công an nhân dân là 13 năm 9 tháng (gồm: lần thứ nhất từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 01 năm 1978 là 2 năm 9 tháng; lần thứ hai từ tháng 02/1982 đến tháng 01/1993 là 11 năm 0 tháng); thời gian là cán bộ xã trực tiếp tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở biên giới phía Bắc được tính hưởng chế độ từ tháng 02/1979 đến tháng 01/1981 là 2 năm 0 tháng. Tổng số thời gian công tác được tính hưởng chế độ là 15 năm 9 tháng. Mức hưởng trợ cấp hàng tháng của ông C là 925.000 đồng/tháng.

Ví dụ 4: Ông Lê Văn D, vào Công an tháng 5 năm 1975; tháng 8 năm 1976 làm nhiệm vụ truy quét Fulrô tại Tây Nguyên, tháng 6 năm 1992 xuất ngũ về địa phương.

Cách tính hưởng chế độ đối với ông Lê Văn D như sau:

Thời gian công tác thực tế trong Công an của ông D từ tháng 5 năm 1975 đến tháng 6 năm 1992 là: 17 năm 01 tháng. Mức hưởng trợ cấp hàng tháng của ông D là 1.017.500 đồng/tháng.

b) Khi Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng thì mức trợ cấp nêu trên cũng được điều chỉnh tương ứng; thời điểm điều chỉnh thực hiện theo quy định của Chính phủ kể từ sau ngày 01/01/2012.

c) Người được hưởng trợ cấp hàng tháng từ trần từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 trở về sau thì thôi hưởng từ tháng tiếp theo; người lo mai táng được hưởng trợ cấp một lần bằng 03 tháng trợ cấp hiện hưởng của người từ trần.

Ví dụ 5: Ông Trần Đình K được hưởng trợ cấp hàng tháng từ tháng 01/2012 với mức 925.000 đồng/tháng, đến tháng 3/2012 ông Trần Đình K từ trần, gia đình ông K được hưởng trợ cấp hết tháng 3/2012 và người lo mai táng cho ông K được hưởng trợ cấp một lần là:

$$03 \text{ tháng} \times 925.000 \text{ đồng/tháng} = 2.775.000 \text{ đồng.}$$

2. Chế độ trợ cấp một lần

a) Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư này có dưới 15 năm công tác được tính hưởng chế độ theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư này (bao gồm cả trường hợp đã xuất ngũ, thôi việc hiện đang công tác ở xã có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân sau đó tham gia công tác ở xã đã nghỉ việc và hiện đang hưởng chế độ hưu trí, nhưng khi thôi công tác ở xã thời gian công tác trong Công an nhân dân không được cộng nối với thời gian công tác ở xã để tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội) được hưởng chế độ trợ cấp một lần tính theo số năm công tác được tính hưởng chế độ; mức hưởng cụ thể như sau:

- Từ đủ 2 năm trở xuống, mức trợ cấp một lần bằng 2.500.000 đồng.
- Từ năm thứ 03 trở đi, cứ mỗi năm công tác được cộng thêm 800.000 đồng.

b) Công nhân viên chức Công an thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư này được hưởng chế độ trợ cấp một lần tính theo số năm trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, cụ thể như sau:

- Từ đủ 2 năm trở xuống, mức trợ cấp bằng 2.500.000 đồng.
- Từ năm thứ 03 trở đi, cứ mỗi năm công tác được cộng thêm 800.000 đồng.